

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VINH PHÚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 59/2021/HSST
Ngày 22 tháng 11 năm 2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Kim Thanh

2. Ông Hoàng Văn Khảm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa:
Bà Khổng Thị Phú Vân- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 55/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐXXST-HS ngày 27/10/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, sinh ngày 05/6/1991; sinh trú quán: Thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam, con ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1969; con bà: Phạm Thị D, sinh năm 1968; chồng: Không có; con: Có 01 con sinh năm 2020 (đã chết); tiền sự: Không; tiền án: có 01 tiền án, tại Bản án số 61/2013/HSST ngày 21/11/2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xử phạt 7 năm 06 tháng tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/9/2018 chưa được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2021 đến ngày 03/8/2021 được tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T: Ông Lê Văn D - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Vĩnh Phúc,(có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988; Trú tại: Tổ dân phố M, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc,(vắng mặt).

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1984; trú tại: Thôn C, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc,(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 14/6/2021, Nguyễn Thị T đang ở quán Karaoke M thuộc xã T, huyện Đ cùng một người bạn tên là N (T chỉ biết tên, không biết địa chỉ cụ thể); thì nhận được điện thoại của Nguyễn Văn H hỏi mua 05 viên ma túy ngựa và 01 gói ma túy đá. T nói với H giá bán là 1.000.000 đồng, H đồng ý bảo T mang ma túy đến khu vực cổng chào Y thuộc thôn V, xã Đ, huyện Y bán cho H. Sau khi nghe điện thoại của H, T nói với N có người mua ma túy, N đưa cho T 01 gói giấy bạc bên trong đựng 01 túi nilon chứa 05 viên ma túy ngựa và 01 túi nilon chứa ma túy đá rồi bảo T mang bán cho khách, Nam trả tiền công. T đồng ý cầm ma túy giấu vào túi xách giả da màu đen rồi điều khiển xe mô tô BKS 88K1-389.XX đi đến khu vực cổng chào huyện Y. Tại đây, T gặp H đi cùng một người phụ nữ, T hỏi H “tiền đâu?”, H nói “thế đồ đâu?” (ý H nói là ma túy đâu), T liền lấy gói ma túy ở trong túi xách ra đưa cho H, nhưng chưa kịp đưa thì bị Tổ công tác Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Vĩnh Phúc bắt quả tang, T liền vứt gói ma túy xuống mặt đường gần chỗ T đứng. Tang vật thu giữ gồm: Thu tại mặt đường 01 gói nhỏ bên ngoài bọc bằng giấy bạc, bên trong có 01 túi nilon chứa chất tinh thể dạng đá màu trắng và 01 túi nilon chứa 05 viên nén màu hồng, niêm phong ký hiệu A1, T khai là ma túy mang bán cho H; thu giữ của T 01 chiếc túi xách giả da màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng vàng đã qua sử dụng, 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị T, số tiền 200.000đ và 1 xe mô tô BKS 88K1-389.XX; thu giữ trong túi quần bên trái của H số tiền 500.000đ, H khai là tiền H sử dụng để mua ma túy của T.

Ngày 14/6/2021 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc có văn bản số 1329/KLGD kết luận: “1. Tinh thể dạng đá màu trắng có trong mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,3858g (Không thấy ba tám năm tám gam, không kể bao bì) loại Methamphetamine. 2. 05 viên nén màu hồng có trong mẫu hiệu A1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,5143g (Không thấy năm một bốn ba gam, không kể bao bì) loại Methamphetamine”.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị T khai nhận: Do khi H hỏi mua ma túy, T đang ở quán karaoke M cùng Nam nên T đã nói cho Nam biết, Nam đưa cho T 01 gói ma túy và bảo T mang bán cho H, bán xong Nam cho T tiền nên T đồng ý. Khi T đang bán ma túy cho H tại khu vực cổng chào Y thuộc thôn V, xã Đ thì bị Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy công an tỉnh Vĩnh Phúc bắt quả tang.

Đối với người tên N: T khai Nam đưa ma túy cho T đi bán chiều ngày

14/6/2021, do T chỉ biết tên, không biết địa chỉ cụ thể của người này. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc và Công an huyện Yên Lạc đã tiến hành điều tra và xác minh quán Karaoke M ở thôn L, xã T, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc nhưng quán này hiện đang đóng cửa và không hoạt động từ năm 2018 đến nay, không xác định được đối tượng tên Nam có đặc điểm như bị cáo khai. Do vậy Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện Yên Lạc không có cơ sở để tiến hành xác minh và không đề cập xử lý.

Đối với Nguyễn Văn H là người mua ma túy của Nguyễn Thị T với mục đích sử dụng cho bản thân, nhưng chưa kịp nhận ma túy thì bị bắt quả tang nên chưa đủ căn cứ để xử lý H về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Vật chứng của vụ án gồm: 0,3480g tinh thể dạng đá màu trắng và 0,4233g viên nén màu hồng cùng toàn bộ bao gói các mẫu trên được niêm phong dán kín trong cùng một bao giấy gói “MẪU TRẢ”; 01 điện thoại di động Iphone, 200.000 đồng, 01 túi xách da màu đen, 01 xe mô tô BKS 88K-389.XX, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 88K-389.XX01, 01 căn cước công dân của Nguyễn Thị T; 500.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn H.

Tại cáo trạng số: 55/CT-VKS ngày 05/10/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc đã truy tố Nguyễn Thị T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc luận tội đối với bị cáo Nguyễn Thị T, giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng truy tố bị cáo. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm n, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 14/6/2021 đến ngày 03/8/2021), thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, không áp dụng hình phạt bổ sung. Về vật chứng đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 0,3480g tinh thể dạng đá màu trắng và 0,4233g viên nén màu hồng cùng toàn bộ bao gói hoàn lại sau giám định; tịch thu xe mô tô BKS 88K-389.XX và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028174, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng vàng đã cũ của Nguyễn Thị T phát mại sung quỹ Nhà nước; trả lại cho Nguyễn Thị T 200.000 đồng, 01 túi xách da màu đen, 01 thẻ căn cước công dân số 026191003179 mang tên Nguyễn Thị T, nhưng tạm giữ 200.000 đồng của bị cáo T để đảm bảo thi hành án. Tịch thu 500.000 đồng của Nguyễn Văn H sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa trợ giúp viên pháp lý trình bày: Bị cáo học vấn thấp, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, phụ nữ đang mang thai, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bị cáo mức án nhẹ nhất để tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa khuyết điểm của mình. Bị cáo không có tài sản riêng, không có công việc ổn định và là hộ cận nghèo nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Đề nghị trả lại cho bị cáo chiếc xe mô tô BKS 88K-389.XX để bị cáo lấy phương tiện đi lại làm ăn nuôi con.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, ăn năn hối hận, bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Kiểm sát viên; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Lạc, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, vật chứng thu giữ được cùng với các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung cáo trạng đã được đại diện Viện kiểm sát công bố tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 14/6/2021, tại khu vực cổng chào huyện Y thuộc thôn V, xã Đ, huyện Y Nguyễn Thị T đang có hành vi bán trái phép ma túy cho Nguyễn Văn H thì bị Công an bắt quả tang. Thu giữ 01 gói nhỏ bên trong có 01 túi nilon tinh thể dạng đá màu trắng kết luận giám định có khối lượng 0,3858g và 01 túi nilon chứa 05 viên nén màu hồng kết luận giám định có khối lượng 0,5143g. Tổng khối lượng 2 loại là 0,9001g đều là ma túy loại Methamphetamine, số tiền 700.000 đồng; 01 túi xách giả da; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, 01 xe mô tô BKS 88K1-389.XX; 01 giấy chứng nhận xe mô tô và 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị T.

Hành vi bán trái phép chất ma túy của Nguyễn Thị T đã cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 251 BLHS quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Do đó bản cáo trạng số 55/CT-VKS ngày 04/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Bị cáo nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình phạm tội. Hành vi của bị cáo không những gây mất trật tự trị an xã hội mà còn làm tệ nạn ma túy ngày càng lan rộng hơn trong đời sống xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Về nhân thân, bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị Tòa án xử phạt 07 năm 06 tháng tù nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là người phạm tội là người phụ nữ có thai và thành khẩn khai báo ăn năn hối cải quy định tại điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức án tù nhất định tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Do vậy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo T là thuộc diện hộ cận nghèo, không có thu nhập, công việc ổn định, không có tài sản gì nên Hội đồng xét xử xét không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Đối với người tên N: T khai N đưa ma túy cho T đi bán chiều ngày 14/6/2021, do T chỉ biết tên, không biết địa chỉ cụ thể của người này. Do vậy

Cơ quan cảnh sát điều tra không có cơ sở để xác minh và xử lý là phù hợp pháp luật.

Đối với Nguyễn Văn H là người mua ma túy của Nguyễn Thị T với mục đích sử dụng cho bản thân, nhưng chưa kịp nhận ma túy thì bị bắt quả tang nên chưa đủ căn cứ để xử lý H về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là phù hợp pháp luật.

Về xử lý vật chứng vụ án:

Đối với số mẫu vật còn lại sau giám định gồm 0,3480g tinh thể dạng đá màu trắng và 0,4233g viên nén màu hồng cùng toàn bộ bao gói được niêm phong dán kín trong cùng một bao giấy gói “MẪU TRẢ” là vật Nhà nước cấm lưu hành và không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng vàng đã cũ T dùng làm phương tiện liên lạc, trao đổi, mua bán trái phép chất ma túy nên cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước.

Chiếc xe mô tô BKS 88K-389.XX (kèm theo đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị T) là tài sản riêng của bị cáo T. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo T thừa nhận ngày 14/6/2021 T dùng xe mô tô BKS 88K-389.XX để đi bán ma túy cho H. Như vậy chiếc xe này bị cáo sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước.

Đối với 200.000 đồng là tiền của T làm ăn tích cóp mà có, 01 túi xách da màu đen, 01 thẻ căn cước công dân là giấy tờ tùy thân của T nên trả lại cho T. Riêng đối với số tiền 200.000 đồng của T tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền 500.000 đồng H sử dụng để mua ma túy nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[4] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm n, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, 2 Điều 106, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 03 (ba) năm tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 14/6/2021 đến ngày 03/8/2021). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 0,3480g tinh thể dạng đá màu trắng và 0,4233g viên nén màu hồng cùng toàn bộ bao gói hoàn lại sau giám định; tịch thu 01 xe mô tô BKS 88K-389.XX và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028174, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng vàng đã cũ của Nguyễn Thị T phát mại sung quỹ Nhà nước; trả lại cho Nguyễn Thị T 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, 01 túi xách da màu đen, 01 thẻ căn cước công dân số 026191003179 mang tên Nguyễn Thị T, nhưng tạm giữ 200.000 đồng của bị cáo T để đảm bảo thi hành án. Tịch thu 500.000 đồng của Nguyễn Văn H sung quỹ Nhà nước, (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/11/2021 giữa Công an huyện Yên Lạc và Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc).

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hs; vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Thuận